TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tuyền;

2. Bà Lê Thị Sinh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLHNGĐ-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HN ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thiên T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Khu phố Phước Điền, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Anh Trương Ngọc D, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thiên T trình bày*: Chị và anh Trương Ngọc D tự nguyện chung sống với nhau vào cuối năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống có 02 con

chung tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/3/2014 và Trương Gia B, sinh ngày 26/7/2020, hiện chị đang nuôi dưỡng.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, do anh D không đi làm phụ giúp kinh tế gia đình, đam mê cờ bạc nhiều lần chị phải trả nợ thay cho anh D. Chị khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi nên tháng 4/2022 chị cùng con về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai không gặp nhau để bàn bạc việc hàn gắn gia đình, anh D không đến thăm con cũng không phụ cấp dưỡng nuôi con, chỉ thỉnh thoảng liên lạc qua điện thoại hỏi thăm con. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn Trương Ngọc D trình bày*: Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh D không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thiên T; Con chung, giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/3/2014 và Trương Gia B, sinh ngày 26/7/2020, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; Tài sản và nợ chung, chị T khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thiên T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh Trương Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thiên T và anh Trương Ngọc D kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thì thấy rằng: Anh chị chung sống vào năm 2012, đến năm 2020 anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh D không đi làm phụ giúp kinh tế gia đình, đam mê cờ bạc. Chị T khuyên nhủ và tha thứ nhiều lần như anh D vẫn không thay đổi và trong thời gian sống ly thân anh D và chị T không gặp nhau bàn việc đoàn tụ, không ai quan tâm đến ai, hơn nữa anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt chứng tỏ anh D không có thiện chí hàn gắn gia đình. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/3/2014 và Trương Gia B, sinh ngày 26/7/2020, anh D không ý kiến. Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc tốt, đã ổn định và 02 cháu nguyện vọng sống với chị T nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Quỳnh Anh và cháu Gia Bảo cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thiên T với anh Trương Ngọc D. Chị T được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Giao cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Quỳnh A, sinh ngày 07/3/2014 và Trương Gia B, sinh ngày 26/7/2020. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thiên T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thiên T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0023015 ngày 10-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã T (Số 09/2013);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vui